

Bản án số: 06/2018/DS-PT
Ngày: 22-01-2018
V/v: Tranh chấp thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Thu

Ông Phạm Tiến Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Trâm - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thuý Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 56/2017/TLPT-DS ngày 16 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp thừa kế tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2017/DS-ST ngày 11 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 06/2018/QĐ-PT ngày 08 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Cụ Trần Thị L (tên gọi khác Trần Thị C); sinh năm 1937

- *Bị đơn:* Ông Vũ Đức H

Cùng cư trú tại: Xóm 10 (thôn B), xã M, huyện M, tỉnh Nam Định.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. NLQ1 ; cư trú tại: Xóm 9 (thôn V), xã M, huyện M, tỉnh Nam Định.

2. NLQ2; cư trú tại: Xóm 3, thôn A, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

3. NLQ3; cư trú tại: Khu phố 8, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

4. NLQ4; cư trú tại: Xóm 15, xã M, huyện M, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo uỷ quyền của NLQ4: Ông Vũ Đức H (Được uỷ quyền theo văn bản uỷ quyền ngày 22-01-2018)

5. NLQ5; cư trú tại: Xóm 5, xã M, huyện M, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo uỷ quyền của NLQ5: NLQ3 (Được uỷ quyền theo văn bản uỷ quyền ngày 22-01-2018)

6. NLQ6; cư trú tại: Xóm 10 (thôn B), xã M, huyện M, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo uỷ quyền của NLQ6: Ông Vũ Đức H (Được uỷ quyền theo văn bản uỷ quyền ngày 22-01-2018)

7. NLQ7; cư trú tại: Xóm 10 (thôn B), xã M, huyện M, tỉnh Nam Định.

8. NLQ8; cư trú tại: Số nhà 132, đường 193, tổ 7, Ấp 2, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền của NLQ8: NLQ3 (Được uỷ quyền theo văn bản uỷ quyền ngày 01-8-2017)

- *Người kháng cáo:* Cụ Trần Thị L là nguyên đơn trong vụ án

Tại phiên toà: Có mặt cụ L, ông H, NLQ1, NLQ2, NLQ3, NLQ7; vắng mặt NLQ4, NLQ5, NLQ6, NLQ8.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 01 năm 2017 nguyên đơn là cụ Trần Thị L trình bày: Cụ kết hôn với cụ Vũ Đức C sinh được 07 người con là NLQ1, NLQ2, NLQ3, NLQ4, NLQ5, NLQ6 và ông Vũ Đức H, hiện tại các con của hai cụ đều đã lập gia đình và sinh sống riêng. Hai cụ được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng 1.365 m² đất vào năm 1992, trong đó đất ở là 250m², đất vườn là 410m² cùng thửa số 36 và 705m² ao thửa số 37, cùng tờ bản đồ số 1/5 tại thôn B, xã M, huyện M. Ngoài ra, còn 04 cây nhãn và một căn nhà 05 gian được làm từ năm 1971, đã được con trai trưởng là NLQ3 bỏ tiền ra sửa chữa nhiều lần và đã xây mới lại trên nền nhà cũ vào năm 2016. Cách đây 20 năm, vợ chồng cụ đã nhượng lại cho bà Trần Thị L 150m² đất ao. Sau khi người con trai út là ông Vũ Đức H lập gia đình, hai cụ đã tạm giao cho 322,9m² đất ao và đất vườn để làm nhà ở, nhưng chưa làm thủ tục tặng cho. Cụ C mất năm 2003, không để lại di chúc. Để bảo đảm quyền lợi cho các thành viên trong gia đình, cụ đã tổ chức họp gia đình hai lần, lần thứ nhất vào ngày 26 tháng 6 năm 2016, lần thứ hai vào ngày 12 tháng 7 năm 2016 nhưng không thống nhất được việc phân chia thừa kế. Vì vậy, cụ đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của cụ C là một nửa trong số diện tích 250m² đất ở, 410m² đất vườn và 555m² đất ao theo quy định của pháp luật.

Quá trình tham gia tố tụng tại Toà án bị đơn là ông Vũ Đức H trình bày, bố mẹ ông là cụ Vũ Đức C và cụ Trần Thị L có nhà đất ở thôn B và sinh được 7 người con như cụ L khai là đúng. Vào năm 2002, khi bố ông còn sống, bố mẹ ông đã cho ông phần đất ở đầu ao phía đông để làm nhà ở. Năm 2012, gia đình ông gồm mẹ và 07 anh chị em đã họp và thống nhất ký biên bản để cho ông làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo bản đồ đo hiện trạng năm 2012, phần đất này có diện tích 323m². Đến nay, trên phần đất này vợ chồng ông đã xây dựng công trình kiên cố, đề nghị Tòa án công nhận quyền sử dụng hợp pháp cho ông. Phần còn lại khoảng hơn 1.000m² đất, 04 cây nhãn và một căn nhà 05 gian do cụ C và cụ L xây thì chia thừa kế theo quy định của pháp luật. Nhưng để lại một phần đất chung xây dựng từ đường để con cháu đi lại và hương khói cho tổ tiên.

Quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, NLQ1, NLQ3 và NLQ5 nhất trí với quan điểm của cụ L về việc yêu cầu phân chia di sản thừa kế của cụ C, phần di sản mà các ông, bà được hưởng sẽ tặng lại cho cụ L. Đối với biên bản họp gia đình vào ngày 10 tháng 6 năm 2012 về việc phân chia đất cho ông H, thực tế gia đình không tổ chức họp, mà ông H mang biên bản đến nhà nói NLQ1 và NLQ5 ký, hai bà nghĩ rằng bố mẹ đã cho ông H số đó, phần còn lại dành cho mẹ, vì thế NLQ1 và NLQ5 mới ký vào biên bản. Còn NLQ3 trình bày là không biết về biên bản này, chữ ký trong biên bản không phải của ông. Nay, NLQ1, NLQ3 và NLQ5 đề nghị Tòa án không công nhận biên bản họp gia đình vào ngày 10 tháng 6 năm 2012.

Quá trình tham gia tố tụng tại Toà án NLQ2 và NLQ6 trình bày: Đối với phần đất 323m² ông H đang sử dụng đã được bố mẹ cho từ năm 2002 nên thuộc quyền sử dụng của ông H. Đối với phần đất còn lại 892m² gồm đất ở, vườn và ao đề nghị để lại 200m² đất hoặc ba gian giữa nhà để chỗ cho con cháu đi về. Nếu cụ L không đồng ý thì đề nghị Tòa án phân chia 892m², căn nhà năm gian trước đây do cụ C và cụ L làm và 4 cây nhãn theo pháp luật. Hai bà đề nghị được hưởng di sản bằng đất.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 21 tháng 4 năm 2017 NLQ4 trình bày: Bà nhất trí với quan điểm của cụ L yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ C để lại. Đối với phần di sản mà bà được hưởng bà sẽ tặng lại cho cụ L một nửa, một nửa tặng cho ông H.

NLQ8 trình bày, bà và NLQ3 kết hôn từ năm 1988. Đối với căn nhà 04 gian hiện tại cụ L đang sử dụng, là do vợ chồng bà đã bỏ công sức xây dựng lại trên nền móng của ngôi nhà cũ bố mẹ chồng bà đã xây dựng từ năm 1971 đã xuống cấp. Vợ chồng bà xây dựng lại căn nhà này để tặng cụ L. Cụ L có toàn quyền quyết định đối với căn nhà này, bà không có ý kiến gì.

NLQ7 trình bày, bà và ông H kết hôn năm 1992 và sinh sống trên phần đất được bố mẹ chồng cho từ năm 2002 đến nay. Trên phần đất này vợ chồng bà đã

xây dựng nhà kiên cố và các công trình phụ trợ, nay bà đề nghị Tòa án công nhận cho vợ chồng bà được quyền sử dụng phần đất này.

Từ nội dung trên, Bản án số 04/2017/DS-ST ngày 11 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc đã quyết định:

Căn cứ các Điều 623, 650, 651, 660 của Bộ luật Dân sự; Điều 147; khoản 2, Điều 157; khoản 2, Điều 165; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Trần Thị L về yêu cầu phân chia di sản thừa kế của cụ Vũ Đức C là 607,5m² đất, bao gồm: Đất ở 125m², đất vườn 205m², đất ao 277,5m² và 02 cây nhãn thuộc tờ bản đồ số 1/5, thửa số 36 và 37 bản đồ địa chính xã M lập năm 1992 (nay thuộc tờ bản đồ số 6, thửa số 31 và 32 bản đồ đo đạc hiện trạng xã M lập năm 2012), tại thôn B, xã M, huyện M, tỉnh Nam Định.

Di sản được phân chia như sau:

Chia cho cụ Trần Thị L được quyền sử dụng 198,4m² đất (đất ở là 70,2m²; vườn, ao là 128,2m²) và 02 cây nhãn.

Ngoài ra, cụ Trần Thị L được quyền sử dụng 607,5m² đất (trong đó đất ở là 125m², vườn là 205m², ao là 277,5m²) và 02 cây nhãn là tài sản riêng của cụ L.

Tổng cộng, cụ Trần Thị L được quyền sử dụng là 805.9m² đất (đất ở 195,2m²; vườn, ao là 610.7m²) và 04 cây nhãn, thuộc tờ bản đồ số 1/5, thửa số 36 và 37 bản đồ địa chính xã M lập năm 1992 (nay thuộc tờ bản đồ số 6, thửa số 32 bản đồ đo đạc hiện trạng xã M lập năm 2012), tại thôn B, xã M, huyện M, tỉnh Nam Định.

Chia cho ông Vũ Đức H được quyền sử dụng 257m² đất (đất ở là 54,8m²; vườn, ao là 202,2m²), thuộc tờ bản đồ số 1/5, thửa số 36 và 37 bản đồ địa chính xã M lập năm 1992 (nay thuộc tờ bản đồ số 6, thửa số 31 bản đồ đo đạc hiện trạng xã M lập năm 2012), tại thôn B, xã M, huyện M, tỉnh Nam Định.

Chia cho NLQ2 và NLQ6 mỗi người được quyền sử dụng 75,9m² đất ao, trị giá là 5.692.500 đồng, thuộc tờ bản đồ số 1/5, thửa số 37 bản đồ địa chính xã M lập năm 1992 (nay thuộc tờ bản đồ số 6, thửa số 32 bản đồ đo đạc hiện trạng xã M lập năm 2012), tại thôn B, xã M, huyện M, tỉnh Nam Định. (Có sơ đồ chia đất kèm theo).

Cụ Trần Thị L có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch tài sản được hưởng là 02 cây nhãn cho NLQ2 và NLQ6 mỗi người số tiền là 275.000 đồng (Hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Ông Vũ Đức H có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch tài sản được hưởng là 143,15m² đất vườn, ao cho cụ Trần Thị L số tiền 10.736.250 đồng. Được đối trừ vào số tiền cụ L thanh toán cho ông H 275.000 đồng, ông H còn phải thanh toán cho cụ L số tiền 10.461.250 đồng (mười triệu bốn trăm sáu mươi một nghìn hai trăm năm mươi đồng).

Ngày 16-8-2017 cụ Trần Thị L là nguyên đơn trong vụ án có đơn kháng cáo với nội dung: Không nhất trí với bản án sơ thẩm vì cụ đang sử dụng chưa hết phần quyền thừa kế của mình theo quy định của pháp luật lại buộc cụ phải cắt đất cho NLQ6, NLQ2 hết tổng cộng 151,8m² và nhận bằng giá trị 164,15m² từ ông H. Trong khi diện tích đất ao hiện trạng đang bị thiếu 59,7m². Vì vậy, đề nghị xét xử phúc thẩm lại giữ nguyên hiện trạng đất cụ đang sử dụng, buộc anh H sử dụng thừa đất thì phải trả phần đất thừa cho NLQ6 và NLQ2.

Tại phiên toà phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Hiện trạng đất cụ đang sử dụng đã xây thành khuôn viên riêng, xây kè xung quanh ao và chưa hết phần quyền của mình nên cụ không nhất trí cắt cho NLQ2 và NLQ6. Nếu bắt cụ phải nhận bằng tiền từ ông H thì cụ cũng chỉ có nghĩa vụ phải trả bằng tiền cho NLQ6, NLQ2. Còn nếu phải cắt đất thì đề nghị buộc ông H đang sử dụng thừa đất theo luật thừa kế có nghĩa vụ cắt đất cho NLQ2, NLQ6.

Ông H trình bày: Từ khi cụ C còn sống vào năm 2002 đã cho vợ chồng ông đất làm nhà, khi đó bố mẹ là người quyết định chưa đến lượt các anh chị em. Đến năm 2012 mặc dù không họp gia đình, nhưng cụ L và các anh chị đều đã nhất trí ký vào biên bản họp cho ông làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. NLQ3 ở xa không ký được cũng đã nhất trí để người khác ký thay. Đầu năm 2017 ông làm thêm nhà, vì vụ án năm 2016 đã bị đình chỉ do hết thời hiệu khởi kiện thừa kế. Nay, ông chấp nhận theo quyết định của mẹ ông. Với tư cách đại diện theo uỷ quyền của NLQ6 ông đề nghị chia thừa kế cho NLQ6 bằng hiện vật như bản án sơ thẩm.

NLQ7 trình bày, phần đất cụ C, cụ L cho ông bà từ năm 2002 ông bà đã quản lý sử dụng và làm nhà. Năm 2012 đã được đứng tên trên bản đồ, nên phần đất ông bà đang sử dụng là thuộc quyền sử dụng của ông bà, không nhất trí phải cắt cho người khác.

NLQ2 trình bày: Vợ chồng bà là con trưởng được gia đình chồng cho rất nhiều đất khoảng trên 1000m² và đã đứng tên vợ chồng bà, nên không phải bà thiếu đất mà đòi hỏi quyền lợi, nhưng vì cụ L có ý định chia không công bằng cho NLQ3 và ông H đều là con trai trong gia đình. Vì vậy, bà đề nghị Toà án chia đất

cho bà để bà cho lại con ông H là cháu đích tôn của gia đình, hoặc sau này nếu mâu thuẫn với cả NLQ3 và ông H thì vẫn còn có chỗ đi về thấp hương cho cha mẹ.

NLQ3 trình bày: Trong gia đình chưa bao giờ có việc họp thống nhất cho đất ông H. Việc ông H đứng tên trên Bản đồ năm 2012 là do Bản đồ đo đạc hiện trạng mà ông H đang trực tiếp ở trên đất. Từ trước đến nay nhiều lần ông đầu tư sửa chữa, làm nhà, kè ao, mua sắm vật dụng chỉ nhằm mục đích để cho mẹ ông được hưởng thụ. Sau này cha mẹ không còn sẽ làm nơi thờ cúng, chứ vợ chồng ông ở xa, đã có chỗ ở ổn định, không có nhu cầu tranh giành đất đai để ở. Nhưng ông H và mấy chị em gái đã suy diễn rằng ông chỉ có con gái đến đời con hoặc đời cháu ông sẽ bán mất đất của gia đình, nên mới phát sinh mâu thuẫn. Quan điểm của ông nay mẹ ông còn sống toàn quyền là của mẹ ông, sau này sẽ giao cho người nào đáng tin nhất được trông coi, quản lý.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu quan điểm: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng những quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Về nội dung: Phần đất cụ L đang sử dụng chưa hết phần quyền của mình lại buộc cụ L cắt đất cho NLQ2, NLQ6 và phải nhận bằng tiền từ ông H là không phù hợp. Mặt khác, chia cho NLQ2, NLQ6 mỗi người 75,9m² đất ao sẽ không đủ điều kiện tách thửa theo quy định tại Quyết định số 23/2014/QQĐ-UBND ngày 10-10-2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định. Đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của cụ L, sửa Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] NLQ4, NLQ5, NLQ8 và NLQ6 vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và uỷ quyền cho người khác tham gia tố tụng, nên căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với NLQ4, NLQ5, NLQ8 và NLQ6.

[2] Xét kháng cáo của cụ L thấy rằng: Di sản của cụ C gồm 607,5m² đất chia cho 08 người thừa kế, mỗi suất thừa kế chỉ được hưởng 75,9m², cấp sơ thẩm lại buộc cụ L phải nhận bằng giá trị đối với 143,15m² đất, tương đương kỷ phần của 2 suất thừa kế là không hợp lý. Hơn nữa, phần đất cụ L hiện đang quản lý sử dụng, theo biên bản xem xét thẩm định ngày 10-3-2017 (BL 111-115) thể hiện cụ L đã đầu tư xây dựng tường bao và kè xung quanh ao, cấp sơ thẩm giao cho người thừa kế khác sử dụng ao lại không định giá và buộc thanh toán giá trị tài sản trên đất cho cụ L là không đảm bảo quyền lợi cho cụ L.

[3] Đối chiếu hiện trạng đất cụ L và ông H đang quản lý sử dụng với phần quyền được hưởng, phần đất của cụ L thừa 8,65m², còn ông H thừa 143,15m², chưa kể phần đất ngõ đi cũ 47m² ông H cũng đang là người quản lý sử dụng và đã làm nhà. Nên so sánh về nghĩa vụ giữa ông H và cụ L thì nghĩa vụ cất đất hoặc trả tiền cho người thừa kế khác phải thuộc về ông H.

[4] Tuy nhiên, theo lời khai của các đương sự và cung cấp của chính quyền địa phương tại biên bản làm việc ngày 08-3-2017 (BL98-101) cả NLQ2, NLQ6 đều đã có chỗ ở ổn định, không có nhu cầu về chỗ ở. NLQ2 và NLQ6 đều có quan điểm để cho ông H được giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất. NLQ2 còn có quan điểm đề nghị Toà án chia bằng hiện vật cho bà để bà cho lại cháu đích tôn của gia đình (là con trai ông H). Mặt khác, phần quyền NLQ2, NLQ6 được hưởng 75,9m² là đất ao sẽ không được phép tách đất theo Quyết định số 23/2014/QQĐ-UBND ngày 10-10-2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định. Nên, cần giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất của ông H và cụ L buộc ông H và cụ L thanh toán bằng giá trị cho NLQ2 và NLQ6. Ông H thanh toán giá trị của 143,15m² đất. Cụ L thanh toán giá trị của 8,65m² đất là phù hợp.

[5] Đối với quan điểm ông H, NLQ7 cho rằng cụ C, cụ L đã cho vợ chồng ông bà 323m² đất từ năm 2002, không được cấp sơ thẩm chấp nhận. Sau khi xét xử sơ thẩm ông H, NLQ7 cũng không kháng cáo, nên không có cơ sở để xem xét.

[6] Đối với phần đất ngõ đi chung trước đây có diện tích 47m², năm 2017 ông H, NLQ7 đã làm nhà kiên cố trên đất. Tuy nhiên, theo cung cấp của chính quyền địa phương tại biên bản làm việc ngày 08-3-2017 (BL98-101) là đất thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân xã M. Nên không phải là di sản thừa kế, tạm giao cho ông H, NLQ7 được quyền quản lý, sử dụng. Ông H, NLQ7 có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được xem xét giải quyết đối với phần đất này.

[7] Về án phí: Các đương sự phải nộp án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị phần di sản mà họ được hưởng. Cụ L là người cao tuổi cấp sơ thẩm miễn án phí cho cụ L là phù hợp. Do sửa án sơ thẩm nên án phí phúc thẩm người kháng cáo không phải nộp.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 623, 650, 651, 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 147; khoản 2 Điều 148, khoản 1, 2 Điều 228, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật

Tổ tụng Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của cụ Trần Thị L, sửa bản án sơ thẩm:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Trần Thị L về yêu cầu phân chia di sản thừa kế của cụ Vũ Đức C là 607,5m² đất, bao gồm đất ở 125m², đất vườn 205m², đất ao 277,5m² và 02 cây nhãn thuộc tờ bản đồ số 1/5, thửa số 36 và 37 bản đồ địa chính xã M lập năm 1992 (nay thuộc tờ bản đồ số 6, thửa số 31 và 32 bản đồ đo đạc hiện trạng xã M lập năm 2012), tại thôn B, xã M, huyện M, tỉnh Nam Định;

2. Di sản được phân chia như sau:

Chia cho cụ Trần Thị L được quyền sử dụng 198,4m² đất (đất ở là 70,2m²; đất vườn, ao là 280m²) và 02 cây nhãn;

Ngoài ra, cụ Trần Thị L được quyền sử dụng 607,5m² đất (trong đó đất ở là 125m², đất vườn là 205m², đất ao là 277,5m²) và 02 cây nhãn là phần quyền tài sản của cụ L trong khối tài sản chung với cụ C;

Tổng cộng, cụ Trần Thị L được quyền sử dụng 957,7m² đất (trong đó đất ở 195,2m²; đất vườn, ao là 762,5m²) và 04 cây nhãn, thuộc tờ bản đồ số 1/5, thửa số 36 và 37 bản đồ địa chính xã M lập năm 1992 (nay thuộc tờ bản đồ số 6, thửa số 32 bản đồ đo đạc hiện trạng xã M lập năm 2012), tại thôn B, xã M, huyện M, tỉnh Nam Định;

Chia cho ông Vũ Đức H được quyền sử dụng 257m² đất (trong đó đất ở là 54,8m²; đất vườn, ao là 202,2m²), thuộc tờ bản đồ số 1/5, thửa số 36 và 37 bản đồ địa chính xã M lập năm 1992 (nay thuộc tờ bản đồ số 6, thửa số 31 bản đồ đo đạc hiện trạng xã M lập năm 2012), tại thôn B, xã M, huyện M, tỉnh Nam Định;

3. Tạm giao cho ông Vũ Đức H và NLQ7 quyền quản lý sử dụng đất ngõ đi cũ có diện tích 47m². Ông H, NLQ7 có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được xem xét giải quyết đối với phần đất này;

(Có sơ đồ kèm theo)

4. Cụ Trần Thị L có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch tài sản được hưởng là 02 cây nhãn cho ông Vũ Đức H, NLQ2 và NLQ6 mỗi người 275.000 đồng (hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Đồng thời, có nghĩa vụ thanh toán bằng giá trị 8,65m² đất ao cho NLQ2 và NLQ6 mỗi người 324.300đ (Ba trăm hai mươi bốn ngàn ba trăm đồng);

Ông Vũ Đức H có nghĩa vụ thanh toán bằng giá trị 143,15m² đất vườn, ao cho NLQ2 và NLQ6 mỗi người 5.368.000 đồng (Năm triệu ba trăm sáu mươi tám ngàn đồng);

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí cho cụ Trần Thị L. Hoàn lại cho cụ Trần Thị L số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cụ L đã nộp là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm ngàn đồng), theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 09424 ngày 04 tháng 01 năm 2017 và số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000812 ngày 21 tháng 8 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định. (Tổng cộng cụ L được nhận lại 2.800.000đ (Hai triệu tám trăm ngàn đồng);

Ông Vũ Đức H phải nộp 1.289.000 đồng (một triệu hai trăm tám mươi chín nghìn đồng);

NLQ2 và NLQ6 mỗi người phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng);

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền người phải thi hành án phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện Mỹ Lộc;
- Chi cục THA huyện Mỹ Lộc;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Bạch Tuyết